

Số: 173 /BC-CTHTHHMB

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025
đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

- Bảng cân đối kế toán
- Bảng kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lưu Ngọc Linh

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thành

Nơi nhận:

- Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- Chủ tịch Công ty;
- Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: HC, TCKT.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	09-10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11-30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

Công ty

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

0202257858, Cấp ngày 01/10/2024
Số Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính

Tầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc và kế toán trưởng trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Thành	Giám đốc
Ông Lương Hồng Hải	Phó Giám đốc
Ông Trần Minh Tuấn	Phó Giám đốc
Bà Lưu Ngọc Linh	Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Đức Thành Giám đốc

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam tại Quảng Ninh(AVA).

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Tầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan. *af*

Hải Phòng, ngày 9 tháng 2 năm 2026

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Đức Thành

007
INH
TNH
OÁN
INH
M T
NINH
QU

Số: 03a /BCKT-TC/CN AVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC, được lập ngày 09/02/2026, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính đo gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM TẠI QUẢNG NINH**



Đặng Thanh Tuấn

Giám đốc

Giấy CNDKHN Kiểm toán số

0551-2023-126-1

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

A blue ink handwritten signature of Nguyễn Hồng Hải.

Nguyễn Hồng Hải

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN Kiểm toán số

1218-2023-126-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		468.690.263.788	326.541.961.091
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	221.484.173.181	122.020.478.638
1. Tiền	111		162.484.173.181	98.020.478.638
2. Các khoản tương đương tiền	112		59.000.000.000	24.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	190.000.000.000	160.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	190.000.000.000	160.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.317.000.099	21.973.091.206
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	17.052.892.904	17.469.017.630
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.596.521.262	2.649.250.606
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.491.590.847	2.661.211.867
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(824.004.914)	(806.388.897)
	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	799.502.737	840.131.815
1. Hàng tồn kho	141		799.502.737	840.131.815
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.089.587.771	21.708.259.432
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	9.213.291.007	6.669.256.949
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.448.677.535	12.191.830.040
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.427.619.229	2.847.172.443
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.197.759.380	90.520.615.114
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.500.000	2.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	2.500.000	2.500.000
II. Tài sản cố định	220		84.169.688.156	86.816.647.167
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	77.714.818.533	81.103.877.368
- Nguyên giá	222		214.305.201.370	203.752.665.288
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(136.590.382.837)	(122.648.787.920)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.454.869.623	5.712.769.799
- Nguyên giá	228		6.998.500.363	6.252.683.163
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(543.630.740)	(539.913.364)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	3.116.904.337	1.562.742.658
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.116.904.337	1.562.742.658
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.908.666.887	2.138.725.289
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.908.666.887	2.138.725.289
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		558.888.023.168	417.062.576.205

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		252.282.145.553	110.456.698.590
I. Nợ ngắn hạn	310		252.282.145.553	110.456.698.590
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	11.476.291.934	4.694.884.436
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	106.385.976	373.487.625
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.689.301.375	10.051.262.767
4. Phải trả người lao động	314		86.607.044.590	39.721.575.564
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	651.966.618	632.573.752
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	109.787.752.851	35.130.259.228
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		36.963.402.209	19.852.655.218
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		306.605.877.615	306.605.877.615
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	306.605.877.615	306.605.877.615
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411a		306.605.877.615	306.605.877.615
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		558.888.023.168	417.062.576.205

Người lập biểu



Bùi Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Lưu Ngọc Linh

Hải Phòng, ngày 9 tháng 2 năm 2026



Giám đốc

Nguyễn Đức Thành

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮCTầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A đường
Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính tổng hợp

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	676.233.317.106	-
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		676.233.317.106	-
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	275.814.290.430	-
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		400.419.026.676	-
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.787.563.730	-
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	55.556.517	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	159.969.855.401	-
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		247.181.178.488	-
9. Thu nhập khác	31	VI.6	32.018.158	-
10. Chi phí khác	32	VI.7	873.189.273	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(841.171.115)	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		246.340.007.373	-
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	49.625.184.806	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		196.714.822.567	-

Người lập biểu



Bùi Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Lưu Ngọc Linh

Hải Phòng, ngày 9 tháng 2 năm 2026

Giám đốc




Nguyễn Đức Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		246.340.007.373	-
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.945.312.293	-
- Các khoản dự phòng	03		17.616.017	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(54.092.237)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.592.659.885)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		253.656.183.561	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.144.726.954)	-
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40.629.078	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		54.863.998.573	-
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.313.975.656)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(52.785.592.171)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(43.039.758.497)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		199.276.757.934	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.852.514.961)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(159.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		129.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		6.592.659.885	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.259.855.076)	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
I. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(63.553.208.315)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(63.553.208.315)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		99.463.694.543	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		122.020.478.638	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		221.484.173.181	-

Người lập biểu



Bùi Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Lưu Ngọc Linh

Hải Phòng, ngày 9 tháng 2 năm 2026

Giám đốc



Nguyễn Đức Thành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP TỔNG HỢP
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202257858, Cấp ngày 01/10/2024, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 theo Quyết định thành lập Công ty (Quyết định số 768/QĐ-TCTĐATHHMB) ngày 24/6/2024 của Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc là: 247.696.810.549 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty : Cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

Giáo dục khác chưa được phân vào đâu

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số cán bộ nhân viên

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 514 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2025, có 504 cán bộ nhân viên).

Công ty thành lập 3 chi nhánh, chi tiết như sau:

CT TNHH MTV hoa tiêu hàng hải Miền Bắc - Hoa tiêu III - Địa chỉ: số 41, Lê Thánh Tông, P. Hồng Gai, tỉnh QN

CT TNHH MTV hoa tiêu HH Miền Bắc - Hoa tiêu IV - Địa chỉ: 30 Bạch Đằng, P. Hải Châu, TP Đà Nẵng

CT TNHH MTV hoa tiêu HH Miền Bắc - Hoa tiêu VI - Địa chỉ: Số 41, Đinh Công Trứ, P. Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, cụ thể:

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Vàng tiền tệ được đánh giá lại theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm
- Quyền sử dụng đất	03 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm
- Tài sản cố định khác	

Chênh lệch giữa thu thuần đo thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà Công ty được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau. Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp:

- Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ;
- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

(a) Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

(i) Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì Công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

(ii) Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn) theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

(b) Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ:

- (i) Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
- (ii) Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế (theo các nguyên tắc ghi nhận tỷ giá thực tế) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Riêng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

Khoản chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của việc thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia gắn với nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh, quốc phòng được tập hợp, phản ánh số dư và được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật đối với loại hình doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo Quyết định của Hội đồng thành viên/ các quy định tại Luật số 68/2025/QH15 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phản công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

16.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty.

16.2. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮCTầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A
đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính tổng hợp

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	31/12/2025		01/01/2025	
	Tiền mặt tại quỹ	1.985.613.639		708.024.630
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	160.498.559.542		97.312.454.008	
Các khoản tương đương tiền	59.000.000.000		24.000.000.000	
	221.484.173.181		122.020.478.638	

2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	190.000.000.000	190.000.000.000	160.000.000.000	160.000.000.000
	190.000.000.000	190.000.000.000	160.000.000.000	160.000.000.000

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2025		01/01/2025	
	Ngắn hạn			
- Cty TNHH ĐL & MG VTB quốc tế		279.543.218		93.295.303
- Cty TNHH DVHH Nhật Thăng		567.427.944		266.740.827
- CN Cty CP Đại lý hàng hải VN-Đại lý hàng hải HP		557.202.693		705.592.243
- Đại lý quốc tế phía bắc		1.170.335.682		
- CN Cty TNHH WanHai tại Việt Nam		464.331.177		514.949.822
- Công ty TNHH đại lý vận tải Evergreen (Việt Nam)		536.102.077		1.357.401.181
- Công ty Cổ phần Cảng NAM DINH VU		864.510.726		1.471.396.082
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ cảng xanh		231.200.324		60.690.400
- Công ty Cổ phần cảng Hải Phòng		361.298.393		
- Công ty CP thương mại Duy Linh		624.608.000		
- Công ty CP đại lý hàng hải VN tại QN (VOSA QN)		518.802.567		1.792.136.033
- Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long		81.586.942		68.793.632
- Công ty CP dịch vụ vận tải biển Hải Vân		773.919.186		
- Công ty TNHH vận tải Container Hải An		676.622.425		
- Công ty Age lines		45.333.488		
- Công ty TNHH Sunrise		56.931.027		
- Công ty Vicoso		146.307.124		
- Đại lý Đức Thọ		166.028.007		
- Công ty Minh Long		111.001.426		
- Công ty CP Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi		1.082.073.663		861.655.552
- Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng		322.800.360		285.505.128
- Vosa Đà Nẵng		103.591.404		
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất		36.056.286		
- SITC VIETNAM		174.238.169		
- Công ty TNHH Vận tải biển Vina Marine		217.038.148		
- CN công ty TNHH Hansen Transport Việt Nam tại Hà Tĩnh		823.300.710		

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Tầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A
đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính tổng hợp

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

- Cty cổ phần đại lý hàng hải Nghi Sơn		285.256.202	
- Cty cổ phần cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp PTSC Thanh Hóa		293.274.410	
- Công ty TNHH đại lý hàng hải Bình Minh		211.364.646	
- Công ty xi măng Nghi Sơn		160.358.489	
- Công ty TNHH Việt Thuận		111.458.418	
- Chi nhánh công ty cổ phần đại lý hàng hải Bến Thủy		185.363.917	
- Khách hàng khác		4.813.625.656	9.990.861.427
		17.052.892.904	17.469.017.630
4. Trả trước cho người bán		31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn			
- CT TNHH MTV Đóng tàu Sơn Hải		4.231.290.861	996.870.220
- Ban quản lý dự án Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam		390.703.500	507.980.901
- Công ty TNHH MTV đoang tàu Sơn Hải			1.046.501.130
- Viện nghiên cứu và khoa học công nghệ Hàng Hải			27.469.265
- Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Aquamarine			35.610.138
- Công ty TNHH Thiên Tài		3.840.275.000	
- Công ty cổ phần Oshico		2.145.410.582	
- Công ty TNHH MTV thương mại đầu tư phát triển đô thị		808.252.200	
- Công ty cổ phần kỹ thuật Đinh An		839.700.000	
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC		12.963.640	
- Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ngãi		10.000.000	
- Khách hàng khác		317.925.479	34.818.952
		12.596.521.262	2.649.250.606
5. Phải thu khác		31/12/2025	01/01/2025
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
			Dự phòng
Ngắn hạn			
Tạm ứng cho nhân viên	802.894.657		668.764.626
Phải thu khác			1.908.832.885
- Phải thu CBCNV	405.600.867		
- Phải thu tiền lãi gửi có kỳ hạn	1.132.417.803		
- Cty CP tư vấn thiết kế công	1.636.364		
- Phải thu khách hàng khác	1.000.000		
KPCĐ			308.432
Phải trả, phải nộp khác			
- Công ty TNHH thu phí tự động VETC	18.044.460		14.062.827
- BHXH	99.045.072		52.756.632
- BHYT	18.570.991		9.891.886
- BHTN	12.380.633		6.594.579
- Phải trả khác			
	2.491.590.847	-	2.661.211.867
5.1. Dài hạn			
Ký quỹ, ký cược	2.500.000		2.500.000
Bên liên quan			
	2.500.000	-	2.500.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Tầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A
đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính tổng hợp

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

6. Nợ xấu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	824.004.914	-	806.388.897	-
1. Công ty CP vận tải dầu khí VN	571.371.658	-	553.755.641	-
2. Công ty TNHH MTV vận tải Vinashin	252.633.256	-	252.633.256	-
	824.004.914	-	806.388.897	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	617.725.675	-	658.354.753	-
Công cụ, dụng cụ	181.777.062	-	181.777.062	-
	799.502.737	-	840.131.815	-

8. Chi phí trả trước

8.1. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
- Chi phí thuê nhà (Trạm Đồ Sơn và Cát Hải)	166.500.000	232.500.000
- Chi phí tiền thuê đất	2.292.979.357	922.470.261
- Chi phí công cụ dụng cụ	406.216.548	399.183.828
- Chi phí bảo hiểm tàu, xe	202.387.613	147.421.593
- Chi phí thay thế TBVP		431.591.668
- Chi phí Dữ liệu hải đồ	5.546.391.751	3.795.191.419
- Chi phí bảo dưỡng phương tiện	580.555.738	634.058.482
- Chi phí sửa chữa tài sản	18.260.000	
- Chi phí hệ thống phần mềm		106.839.698
- Khác		
Cộng	9.213.291.007	6.669.256.949

8.2. Dài hạn

- CP sửa chữa tàu hoa tiêu	2.727.432.564	2.090.278.572
- Khác	181.234.323	48.446.717
Cộng	2.908.666.887	2.138.725.289

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình
Phụ lục số 01**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Tầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A
đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính tổng hợp

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình
Phụ lục số 02**

11. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

- Đóng mới cano
- Dự án hoán cải tàu HL 1
- Chi phí sửa chữa tàu PB10
- Dự án đóng mới tàu đưa đón HT
- Đóng mới tàu Chi nhánh 6
- Dự án xây dựng trụ sở công ty

	31/12/2025	01/01/2025
		246.609.067
	507.915.981	430.332.277
		13.894.841
	662.462.148	871.906.473
	569.548.022	
	1.376.978.186	
	3.116.904.337	1.562.742.658

12. Phải trả người bán

Ngắn hạn

- Công ty xăng dầu khu vực III - TNHH MTV
- Công ty TNHH Sunrise Pacific
- Công ty CP Xi măng Sông Lam
- Viện nghiên cứu khoa học và công nghệ hàng hải
- CN công ty CP đại lý HH VN-Đại lý HH QN (VOSA QN)
- Công ty CP kỹ thuật biển S tech
- Tổng công ty May 10-CTCP
- Công ty TNHH Túi xách & Hành lý toàn cầu
- C.ty CP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO
- Công ty CP du lịch Blue Tour Quốc tế
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Sài Gòn Đông Hải
- Công ty TNHH Thiết kế - In Gia Thịnh
- Công ty TNHH DVHH Cầu Vàng
- CH bán lẻ xăng dầu số 48, 52
- Công ty Điện lực Quảng Ngãi - Chi nhánh Tổng công ty điện lực miền Trung
- Công ty cổ phần xi măng Sông Lam
- Công ty điện lực Hà Tĩnh - Điện lực Kỳ Anh
- Các đối tượng khác

	Giá trị và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	01/01/2025
		1.342.529.600
	1.193.302.178	60.343.091
		355.665.171
	67.285.126	464.630.000
	481.550.400	320.253.000
		3.662.298.360
	249.750.011	
	370.298.964	
	492.900.000	
	1.193.700.000	
	249.858.000	
	778.773.380	
	96.979.321	
	5.394.295	
	50.544.000	
	2.553.133	
	2.581.104.766	2.151.463.574

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Tầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A
đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính tổng hợp

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

	11.476.291.934	4.694.884.436
	31/12/2025	01/01/2025
13. Người mua trả tiền trước		
Ngắn hạn		
- Công ty TNHH đại lý và tiếp vận MEGASTAR	50.000.000	33.100.450
- Công ty TNHH KPB	24.332.775	
- Công ty TNHH Thịnh An tàu 06	15.345.928	
- Tàu Đông Bắc 22	2.764.275	
- Công ty Thái Bình Dương		90.604.592
- Công ty Lê Phạm		68.105.012
- Công ty Triệu Anh		72.211.547
- Khách hàng khác	13.942.998	109.466.024
	106.385.976	373.487.625

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

14.1. Phải nộp

	31/12/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2025
Thuế GTGT đầu ra	206.945.126	1.763.346.356	1.684.043.783	127.642.553
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.796.370.618	49.625.184.806	52.785.592.171	8.956.777.983
Thuế thu nhập cá nhân	685.985.631	16.098.909.784	16.379.766.384	966.842.231
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.357.809.705	2.357.809.705	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	245.114.333	245.114.333	-
	6.689.301.375	70.096.364.984	73.458.326.376	10.051.262.767

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp gồm:
Chi phí thuế hiện hành

49.625.184.806

14.2. Phải thu

	31/12/2025	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	01/01/2025
Thuế GTGT	588.276.654	180.000	186.149	588.282.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	743.567.257	743.567.257
Thuế thu nhập cá nhân	839.342.575	2.461.887.084	3.137.866.892	1.515.322.383
	1.427.619.229	2.462.067.084	3.881.620.298	2.847.172.443

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Tầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A
Đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính tổng hợp

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

15. Chi phí phải trả		31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn			
Tiền ăn ca, các khoản phụ cấp của NLĐ		462.032.000	314.415.000
Trích trước chi phí dịch vụ tàu lai		61.112.218	219.106.652
Trích trước chi phí thuê PTT đưa đón Hoa tiêu		128.822.400	99.052.100
Chi phí phải trả khác			
		651.966.618	632.573.752
16. Phải trả khác		31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn			
Kinh phí công đoàn		115.081.698	47.006.647
BHXH, BHYT, BHTN			203.826
Các khoản phải trả, phải nộp khác			35.083.048.755
Tổng Công ty BĐATHH Miền Bắc		106.564.317.079	33.553.208.315
Tiền dịch vụ hoa tiêu hàng hải qua cảnh của Lào		1.661.404.560	745.750.878
Cán bộ công nhân viên công ty		503.155.835	148.947.342
Hiệp hội hoa tiêu Hàng Hải Việt Nam		572.035.000	-
Công ty TNHH Du lịch Saco		10.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác		361.758.679	635.142.220
		109.787.752.851	35.130.259.228
17. Vốn chủ sở hữu			
17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu			
Phụ lục số 03			
17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		01/01/2025	
	31/12/2025		
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
			Giá trị
Vốn góp của Nhà nước	100%	306.605.877.615	100%
			306.605.877.615
	100%	306.605.877.615	100%
			306.605.877.615
17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
Vốn góp đầu kỳ		306.605.877.615	-
Vốn góp tăng trong kỳ			-
Vốn góp giảm trong kỳ			-
Vốn góp cuối kỳ		306.605.877.615	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Tầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A
đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính tổng hợp

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

	Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	196.714.822.567	
Phân phối lợi nhuận năm nay, trong đó:	60.150.505.488	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	60.150.505.488	
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
		Đơn vị tính: VND
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
- Doanh thu cung cấp dịch vụ hoa tiêu	674.534.560.270	-
- Doanh thu dịch vụ tàu lai, đại lý, nhà nghỉ	1.698.756.836	
	676.233.317.106	-
2. Giá vốn hàng bán		
	Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	275.814.290.430	-
	275.814.290.430	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.592.659.885	-
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	138.516.314	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	56.387.531	
	6.787.563.730	-
4. Chi phí tài chính		
	Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	53.261.223	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	2.295.294	
	55.556.517	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮCTầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A
đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính tổng hợp

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu

Chi phí dụng cụ, đồ dùng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Chi phí - Thuế, phí và lệ phí

Chi phí dự phòng

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
------------------------------	---------------------------------

78.041.139.369

455.574.494

1.587.787.980

883.283.356

2.610.502.003

17.616.017

56.182.453.766

20.191.498.416

159.969.855.401

-

6. Thu nhập khác

Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
------------------------------	---------------------------------

Các khoản khác

32.018.158

32.018.158

-

7. Chi phí khác

Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
------------------------------	---------------------------------

Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính

Các khoản khác

605.620.661

267.568.612

873.189.273

-

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
------------------------------	---------------------------------

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác bằng tiền

Chi phí dự phòng

51.721.069.677

258.301.983.378

13.945.312.293

81.746.325.075

30.051.839.391

17.616.017

435.784.145.831

-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Tầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A
đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính tổng hợp

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2025- 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính [Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	246.340.007.373,00	-
Các khoản điều chỉnh tăng		
Khoản chi phí loại trừ khi tính thuế TNDN	1.702.152.816,00	-
Lãi CLTG đánh giá lại tiền và các khoản phải thu	203.009,00	-
Chi phí lãi vay vượt quy định	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm ()		
Lãi CLTG đánh giá lại tiền và các khoản phải thu	415.832,00	-
Thu nhập chịu thuế TNDN]	248.041.947.366,00	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	49.608.389.474,00	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	16.795.332,00	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	49.625.184.806	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	49.625.184.806	-

VII. Những thông tin khác

Đơn vị tính: VND

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

3. Thông tin so sánh

Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải Miền Bắc được hợp nhất 4 Công ty hoa tiêu II, III, IV và VI từ ngày 1/10/2024, số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ không có số liệu so sánh.

4. Những thông tin khác

Thông tin về hoạt động liên tục hoặc những thông tin khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp:

Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải Miền Bắc được thành lập theo Quyết định số 768/QĐ-TCTBĐBATHHMB ngày 24/6/2024 của Tổng công ty bảo đảm an toàn hàng hải Miền Bắc trên cơ sở hợp nhất 4 công ty: Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực II, Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực III, Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực IV, Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực VI. Ngày 1/10/2024 sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0202257858 cho Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải Miền Bắc.

Người lập biểu


Bùi Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng


Lưu Ngọc Linh

Hải Phòng, ngày 9 tháng 2 năm 2026
Giám đốc

Nguyễn Đức Thành

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Tầng 12 & tầng 14 Tòa nhà TT TM CATBIPLAZA số 1A đường Lê Hồng Phong, P. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính tổng hợp

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Phụ lục số 01

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2025	25.933.945.310	2.534.145.985	172.007.195.083	3.277.378.910		203.752.665.288
Mua trong kỳ		461.097.141	9.527.110.481	564.328.460		10.552.536.082
Tăng khác				109.922.727		109.922.727
Giảm khác		(109.922.727)				(109.922.727)
Số dư 31/12/2025	25.933.945.310	2.885.320.399	181.534.305.564	3.951.630.097	-	214.305.201.370
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2025	13.586.792.646	1.743.836.634	104.974.713.122	2.343.445.518		122.648.787.920
Khấu hao trong kỳ	729.251.352	154.892.725	12.743.624.045	313.826.795		13.941.594.917
Tăng khác			1	22.644.620		22.644.621
Giảm khác		(22.644.621)				(22.644.621)
Số dư 31/12/2025	14.316.043.998	1.876.084.738	117.718.337.168	2.679.916.933	-	136.590.382.837
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	12.347.152.664	790.309.351	67.032.481.961	933.933.392	-	81.103.877.368
Tại ngày 31/12/2025	11.617.901.312	1.009.235.661	63.815.968.396	1.271.713.164	-	77.714.818.533

Phụ lục số 02

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	...	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2025	5.837.683.163		-		415.000.000	6.252.683.163
Mua trong kỳ					745.817.200	745.817.200
Số dư 31/12/2025	5.837.683.163	-	-	-	1.160.817.200	6.998.500.363
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2025	124.913.364	-	-		415.000.000	539.913.364
Khấu hao trong kỳ					3.717.376	3.717.376
Số dư 31/12/2025	124.913.364	-	-	-	418.717.376	543.630.740
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	5.712.769.799	-	-	-	-	5.712.769.799
Tại ngày 31/12/2025	5.712.769.799	-	-	-	742.099.824	6.454.869.623

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
 Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng
 Thuyết minh số liệu và giải trình khác

Phụ lục số 03

17. Vốn chủ sở hữu

17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	LNST thuế chưa PP	Cộng
Số dư 01/01/2025	306.605.877.615	-	-	-	-	-	306.605.877.615
Tăng vốn trong kỳ						196.714.822.567	196.714.822.567
Lãi/(lỗ) trong kỳ							-
Tăng khác							-
Giảm vốn trong kỳ						(196.714.822.567)	(196.714.822.567)
Phân phối lợi nhuận							-
Giảm khác							-
Số dư 31/12/2025	306.605.877.615	-	-	-	-	-	306.605.877.615

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

Kỳ: Năm 2025

(Mô hình Công ty độc lập, Công ty mẹ - Tập đoàn, Tổng công ty)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

D: Số dư của khoản mục; P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối 31.12.2025	Lũy kế từ đầu năm tới cuối 31.12.2024
1. Nợ phải thu khó đòi		D (đồng)	824.004.914	-
a. Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P (đồng)	17.616.017	-
b. Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)	-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước		D (đồng)	-	-
a. Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	-	-
b. Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		D (đồng)	-	-
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài		D (đồng)	-	-
a. Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	-	-
b. Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác		D (đồng)	-	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)	-	-
a. Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)	-	-
b. Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)	-	-
c. Thuế tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)	-	-
d. Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)	-	-
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài		D (đồng)	-	-
a. Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)	-	-
b. Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)	-	-
c. Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)	-	-
d. Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)	-	-
e. Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)	-	-
6. Nợ phải trả quá hạn		D (đồng)	-	-
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			7.204.090.324	
8. Vốn điều lệ		D (đồng)	247.696.810.549	
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	67.634.297.900	-
a. Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P (đồng)	67.634.297.900	-
b. Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)	-	-
c. Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	-	-
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P (đồng)	69.576.706.078	
- Lợi nhuận đã nộp NSNN		P (đồng)	-	-
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		D (đồng)	5.261.682.146	-
12. Tổng quỹ lương		P (đồng)	217.587.307.598	
13. Số lao động bình quân (người)		P (người)	500	
14. Tiền lương bình quân người/năm		P (đồng)	435.174.615	-

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026
Giám đốc ✓

Nguyễn Đức Thành